

Bản án số: **34/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 31 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Thiện và bà Hoàng Thị Trang.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị My M, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn x, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Buôn E, xã EB, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Dương Thị My M trình bày:*

Chị Dương Thị My M và anh Trần Văn H là bạn bè, tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2019. Quá trình tìm hiểu, yêu thương nhau, ngày 22/01/2022 chị M và anh H có sinh 01 người con chung tên Trần Dương Tuấn K. Đến ngày 18/05/2022 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea B, huyện Cư Kuin theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 18/05/2022.

Sau khi kết hôn, anh H tham gia nghĩa vụ quân sự nên chị M và con về nhà cha mẹ để ở và tiện chăm sóc. Đến khi anh H hết thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự trở về thì vợ chồng chị M, anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau nên không dọn về chung sống cùng nhau. Mặc dù cả hai được gia đình hai bên khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ. Nay

nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung tên Trần Dương Tuấn K, sinh ngày 21/01/2022. Hiện nay cháu K đang ở với chị M. Nguyên vọng của chị M muốn được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và đơn trình bày của bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh Trần Văn H và chị Dương Thị My M là bạn bè, tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2019. Quá trình tìm hiểu, yêu thương nhau, ngày 22/01/2022 chị M và anh H có sinh 01 người con chung tên Trần Dương Tuấn K. Đến ngày 18/05/2022 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea B, huyện Cư Kuin theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 18/05/2022. Từ khi kết hôn anh H tham gia nghĩa vụ quân sự, sau khi ra quân, anh H về nhà cha mẹ để sinh sống, hai vợ chồng không chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau do đó tình cảm vợ chồng thường xuyên căng thẳng mặc dù đã được cha mẹ hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ. Nay chị M làm đơn xin ly hôn thì anh H đồng ý, đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung tên Trần Dương Tuấn K, sinh ngày 21/01/2022. Hiện nay cháu K đang ở với chị M. Anh H đồng ý với nguyện vọng của chị M, giao cháu K cho chị M nuôi dưỡng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ kiện và giải quyết, xét xử vắng mặt anh H trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án các cấp do hiện nay thường xuyên đi làm xa, không thể tham gia phiên tòa cũng như các buổi làm việc tại Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá lập luận Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

Về con chung giao cháu Trần Dương Tuấn K, sinh ngày 21/01/2022 cho chị Dương Thị My M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn anh Trần Văn H có địa chỉ nơi cư trú tại Buôn E, xã EB, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị My M và anh Trần Văn H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea B, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/05/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Từ sau khi kết hôn, chị M và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không chung sống cùng nhau, mặc dù được gia đình hai bên khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ, do đó chị M và anh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị My M và anh Trần Văn H.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung tên Trần Dương Tuấn K, sinh ngày 21/01/2022. Hiện nay cháu K đang ở với chị My.

Xét thấy chị M và anh H đều có nguyện vọng giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự và giao con chung Trần Dương Tuấn K cho nguyên đơn chị M chăm sóc. Chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị My

M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị My M và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Dương Tuấn K, sinh ngày 21/01/2022 cho chị Dương Thị My M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị My M không yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị My M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0017634 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Thị Ngọc Diệp